

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt Điều lệ (sửa đổi, bổ sung)  
Hội Người mù huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội; Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010;

Căn cứ Thông tư số 03/2013/TT-BNV ngày 16 tháng 4 năm 2013 của Bộ Nội vụ, quy định chi tiết thi hành Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ;

Xét đề nghị của Chủ tịch Hội Người mù huyện Đức Trọng tại văn bản số 12/HNM ngày 14 tháng 3 năm 2017 về việc xin phê duyệt Điều lệ Hội;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Điều lệ (sửa đổi, bổ sung) Hội Người mù huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng đã được Đại hội lần thứ III nhiệm kỳ (2017-2022) của Hội thông qua ngày 01 tháng 3 năm 2017.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Chủ tịch UBND huyện Đức Trọng, Chủ tịch Hội Người mù huyện Đức Trọng và các tổ chức cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

**Nơi nhận:**

- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- Ban Dân vận Tỉnh ủy;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, TKCT.



**Đoàn Văn Việt**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**



**ĐIỀU LỆ (Sửa đổi, bổ sung)**

**Hội Người mù huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 685 /QĐ-UBND ngày 10 tháng 4 năm 2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Lâm Đồng)*

**Chương I**  
**QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Tên gọi:** Hội Người mù huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng.

**Điều 2. Tôn chỉ, mục đích**

Hội Người mù huyện Đức Trọng (sau đây gọi tắt là hội) là tổ chức xã hội của những người bị khuyết tật về mắt do nhiều nguyên nhân khác nhau được tự nguyện thành lập nhằm mục đích tập hợp, đoàn kết, động viên người mù chăm lo, giúp đỡ nhau về xã hội, văn hóa và nghề nghiệp, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của hội viên, tạo môi trường để người mù phấn đấu vươn lên góp phần cùng toàn dân thực hiện nhiệm vụ chính trị, xã hội của Đảng và Nhà nước với mục tiêu “Dân giàu nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”.

**Điều 3. Địa vị pháp lý, trụ sở**

1. Hội có tư cách pháp nhân, con dấu, tài khoản riêng; hoạt động theo quy định pháp luật và Điều lệ hội.

2. Trụ sở của hội đặt tại huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng.

**Điều 4. Phạm vi, lĩnh vực hoạt động**

1. Hội hoạt động trên phạm vi huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng trong lĩnh vực xã hội, ngày truyền thống của hội là ngày 17/4 “Ngày thành lập hội người mù Việt Nam”.

2. Hội chịu sự quản lý nhà nước của UBND huyện Đức Trọng và các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan đến lĩnh vực hoạt động của hội theo quy định của pháp luật.

3. Hội tự nguyện là thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện Đức Trọng và Hội Người mù tỉnh Lâm Đồng.

**Điều 5. Nguyên tắc tổ chức, hoạt động**

1. Tự nguyện, tự quản.
2. Dân chủ, bình đẳng, công khai, minh bạch.
3. Tự bảo đảm kinh phí hoạt động.
4. Không vì mục đích lợi nhuận.

5. Tuân thủ Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ hội.

## **Chương II** **NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN**

### **Điều 6. Nhiệm vụ**

1. Chấp hành các quy định của pháp luật có liên quan đến tổ chức, hoạt động của hội. Tổ chức, hoạt động theo Điều lệ hội đã được phê duyệt. Không được lợi dụng hoạt động của hội để làm ảnh hưởng trật tự xã hội, đạo đức, thuần phong mỹ tục, truyền thống của dân tộc, quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức.

2. Tập hợp, đoàn kết hội viên; tổ chức, phối hợp hoạt động giữa các hội viên vì lợi ích chung của hội; thực hiện đúng tôn chỉ, mục đích của hội nhằm tham gia phát triển lĩnh vực liên quan đến hoạt động của hội, động viên người mù phát huy tình đồng tâm, đoàn kết, thương yêu, chăm lo, giúp đỡ nhau về tinh thần và vật chất, cùng phấn đấu vươn lên hòa nhập vào cuộc sống gia đình và xã hội.

3. Phổ biến, huấn luyện kiến thức cho hội viên, hướng dẫn hội viên tuân thủ pháp luật, chế độ, chính sách của Nhà nước và Điều lệ, quy chế, quy định của hội.

4. Đại diện hội viên tham gia, kiến nghị với các cơ quan có thẩm quyền về các chủ trương, chính sách liên quan đến lĩnh vực hoạt động của hội theo quy định của pháp luật. Phối hợp với các cơ quan chức năng của Nhà nước xây dựng kế hoạch và thực hiện các chương trình chăm lo đời sống cho người mù, đẩy mạnh xã hội hóa hoạt động hội.

5. Hòa giải tranh chấp, giải quyết khiếu nại, tố cáo trong nội bộ hội theo quy định của pháp luật.

6. Cùng với các tổ chức xã hội khác, tích cực đấu tranh bảo vệ hòa bình, đẩy lùi tệ nạn xã hội, ngăn ngừa tai nạn, bảo đảm an toàn lao động để phòng chống mù lòa.

7. Quản lý và sử dụng các nguồn kinh phí của hội theo đúng quy định của pháp luật.

8. Thực hiện các nhiệm vụ khác khi cơ quan có thẩm quyền yêu cầu.

### **Điều 7. Quyền hạn**

1. Tuyên truyền mục đích của hội.

2. Đại diện cho hội viên trong mối quan hệ đối nội, đối ngoại có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của hội

3. Bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của hội viên phù hợp với tôn chỉ, mục đích của hội theo quy định của pháp luật.

4. Tham gia ý kiến vào các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến nội dung hoạt động của hội theo quy định của pháp luật. Kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với các vấn đề liên quan tới sự phát triển hội và lĩnh vực hội hoạt động. Được tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, tổ chức các hoạt động dịch vụ khác theo quy định của pháp luật.

5. Tham gia chương trình, dự án, đề tài nghiên cứu, tư vấn, phản biện và giám định xã hội theo đề nghị của cơ quan nhà nước, tổ chức dạy nghề, truyền nghề theo quy định của pháp luật.

6. Phối hợp với cơ quan, tổ chức có liên quan để thực hiện nhiệm vụ của hội.

7. Thành lập các tổ chức trực thuộc hội theo quy định của pháp luật (nếu có).

8. Được gây quỹ hội trên cơ sở hội phí của hội viên và các nguồn thu từ hoạt động kinh doanh, dịch vụ theo quy định của pháp luật để tự trang trải về kinh phí hoạt động.

9. Được nhận các nguồn tài trợ hợp pháp của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật. Được Nhà nước hỗ trợ kinh phí đối với những hoạt động gắn với nhiệm vụ của Nhà nước giao (nếu có).

### **Chương III**

#### **HỘI VIÊN**

#### **Điều 8. Hội viên**

Công dân Việt Nam từ 15 tuổi trở lên, có thị lực 1/10 trở xuống (sau khi đã chỉnh kính cả hai mắt), không phân biệt nguyên nhân mù, dân tộc, tôn giáo, tín ngưỡng, nam, nữ tán thành Điều lệ, tự nguyện xin gia nhập hội thì được hội quyết định công nhận là hội viên.

#### **Điều 9. Quyền của hội viên**

1. Được hội bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp theo quy định của pháp luật.

2. Được hội cung cấp thông tin liên quan đến lĩnh vực hoạt động của hội, được tham gia các hoạt động do hội tổ chức.

3. Được tham gia thảo luận, quyết định các chủ trương công tác của hội theo quy định của hội; được kiến nghị, đề xuất ý kiến với cơ quan có thẩm quyền về những vấn đề có liên quan đến lĩnh vực hoạt động của hội.

4. Được dự Đại hội, ứng cử, đề cử, bầu cử vào các cơ quan, các chức danh lãnh đạo và Ban Kiểm tra theo quy định của hội. Những người ứng cử, đề cử vào ban chấp hành phải đủ từ 21 tuổi trở lên.

5. Được giới thiệu hội viên mới, được khen thưởng theo quy định của hội, được ra khỏi hội khi xét thấy không thể tiếp tục là hội viên.

6. Góp ý, chất vấn lãnh đạo hội, cán bộ, hội viên trong các buổi sinh hoạt hội, đề đạt ý kiến hoặc khiếu nại theo quy định của Nhà nước và của hội. Đấu tranh ngăn ngừa các hiện tượng tiêu cực trong tổ chức hội.

7. Được hội tạo điều kiện phục hồi chức năng, học tập, làm việc, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp và được Hội giúp đỡ khi đời sống gặp nhiều khó khăn.

8. Được sinh hoạt ở một tổ chức cơ sở của hội ít nhất 6 tháng 1 lần.

#### **Điều 10. Nghĩa vụ của hội viên**

1. Chấp hành đường lối chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, các quy định, quy chế, Điều lệ và nghị quyết của hội.

2. Tuyên truyền Điều lệ và các hoạt động của hội; vận động người mù vào hội.

3. Tích cực tham gia các hoạt động và sinh hoạt của hội, đoàn kết, hợp tác với các hội viên khác để xây dựng hội phát triển vững mạnh, coi trọng việc tự phê bình và phê bình, giữ gìn củng cố sự đoàn kết thống nhất, giúp đỡ nhau hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao; đóng hội phí theo qui định của hội.

4. Thường xuyên rèn luyện phục hồi chức năng, học tập, lao động sản xuất, tự lực vươn lên hòa nhập vào cộng đồng.

5. Bảo vệ tài sản của Nhà nước và của hội.

6. Bảo vệ uy tín của hội. không được nhân danh hội trong các quan hệ giao dịch trừ khi được lãnh đạo hội phân công bằng văn bản.

## **Chương IV** **TỔ CHỨC, HOẠT ĐỘNG**

### **Điều 11. Cơ cấu tổ chức**

- a) Đại hội;
- b) Ban chấp hành;
- c) Ban thường trực;
- d) Ban kiểm tra;
- e) Các tổ chức trực thuộc hội (nếu có).

### **Điều 12. Đại hội**

1. Cơ quan lãnh đạo cao nhất của hội là Đại hội nhiệm kỳ hoặc Đại hội bất thường. Đại hội nhiệm kỳ được tổ chức 05 năm một lần. Đại hội bất thường được triệu tập khi ít nhất có 2/3 (hai phần ba) tổng số ủy viên Ban chấp hành hoặc có ít nhất 1/2 (một phần hai) tổng số hội viên đề nghị.

2. Đại hội nhiệm kỳ hoặc Đại hội bất thường được tổ chức dưới hình thức Đại hội toàn thể hoặc Đại hội đại biểu. Đại hội toàn thể hoặc Đại hội đại biểu được tổ chức khi có trên 1/2 (một phần hai) số hội viên hoặc có trên 1/2 (một phần hai) số đại biểu chính thức có mặt.

3. Nhiệm vụ của Đại hội:

- a) Thảo luận và thông qua báo cáo tổng kết nhiệm kỳ; phương hướng, nhiệm vụ nhiệm kỳ mới của hội;
- b) Thảo luận và thông qua Điều lệ; Điều lệ (sửa đổi, bổ sung); đổi tên, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể hội (nếu có);
- c) Thảo luận, góp ý kiến vào báo cáo kiểm điểm của Ban chấp hành và báo cáo tài chính của hội;
- d) Bầu Ban chấp hành và Ban kiểm tra;
- đ) Các nội dung khác (nếu có);
- e) Thông qua nghị quyết Đại hội.

#### 4. Nguyên tắc biểu quyết tại Đại hội:

a) Đại hội có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Việc quy định hình thức biểu quyết do Đại hội quyết định;

b) Việc biểu quyết thông qua các quyết định của Đại hội phải được quá 1/2 (một phần hai) đại biểu chính thức có mặt tại Đại hội tán thành.

#### **Điều 13. Ban chấp hành**

1. Ban chấp hành hội do Đại hội bầu trong số các hội viên của hội. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn ủy viên Ban chấp hành do Đại hội quyết định. Nhiệm kỳ của Ban chấp hành cùng với nhiệm kỳ Đại hội.

##### 2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban chấp hành:

a) Tổ chức triển khai thực hiện nghị quyết Đại hội, Điều lệ hội, lãnh đạo mọi hoạt động của hội giữa hai kỳ Đại hội;

b) Chuẩn bị và quyết định triệu tập Đại hội;

c) Quyết định chương trình, kế hoạch công tác hàng năm của hội;

d) Quyết định cơ cấu tổ chức bộ máy của hội. Ban hành Quy chế hoạt động của Ban chấp hành, Ban thường trực; Quy chế quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của hội; Quy chế quản lý, sử dụng con dấu của hội; Quy chế khen thưởng, kỷ luật; các quy định trong nội bộ hội phù hợp với quy định của Điều lệ hội và quy định của pháp luật;

đ) Bầu, miễn nhiệm Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, ủy viên thường trực, bầu bổ sung ủy viên Ban chấp hành, Ban kiểm tra. Số ủy viên Ban chấp hành bầu bổ sung không được quá 1/2 so với số lượng ủy viên Ban chấp hành đã được Đại hội quyết định. Trường hợp Ủy viên ban chấp hành do tuổi cao, sức yếu hoặc không còn thuộc thành phần cơ cấu thì được rút khỏi ban chấp hành.

##### 3. Nguyên tắc hoạt động của Ban chấp hành:

a) Ban chấp hành hoạt động theo Quy chế của Ban chấp hành, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ hội;

b) Ban chấp hành họp ít nhất 03 tháng 01 lần, có thể họp bất thường khi có yêu cầu của Ban Thường trực hoặc trên 1/2 tổng số ủy viên Ban chấp hành;

c) Các cuộc họp của Ban chấp hành là họp lệ khi có trên 1/2 ủy viên Ban Chấp hành tham gia dự họp. Ban chấp hành có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Việc quy định hình thức biểu quyết do Ban chấp hành quyết định;

d) Các nghị quyết, quyết định của Ban chấp hành được thông qua khi có trên 1/2 tổng số ủy viên Ban chấp hành dự họp biểu quyết tán thành. Trong trường hợp số ý kiến tán thành và không tán thành ngang nhau thì quyết định thuộc về bên có ý kiến của Chủ tịch hội.

#### **Điều 14. Ban Thường trực**

1. Ban Thường trực hội do Ban chấp hành bầu trong số các ủy viên Ban chấp hành; Ban Thường trực gồm: Chủ tịch, các Phó Chủ tịch và các ủy viên. Số lượng,

cơ cấu, tiêu chuẩn ủy viên Ban Thường trực do Ban chấp hành quyết định. Số lượng Ủy viên Ban Thường trực có ít nhất là 02 người, nhiều nhất không quá 1/3 tổng số Ủy viên ban chấp hành. Ban Thường trực hội cử ra một số Ủy viên thường trực làm việc thường xuyên tại văn phòng hội. Nhiệm kỳ của Ban Thường trực cùng với nhiệm kỳ Đại hội.

## 2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Thường trực:

a) Giúp Ban chấp hành triển khai thực hiện nghị quyết Đại hội, Điều lệ hội; tổ chức thực hiện nghị quyết, quyết định của Ban chấp hành; lãnh đạo hoạt động của hội giữa hai kỳ họp Ban chấp hành;

b) Chuẩn bị nội dung và quyết định triệu tập họp Ban chấp hành;

c) Quyết định thành lập các tổ chức, đơn vị thuộc hội theo nghị quyết của Ban chấp hành; quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn cơ cấu tổ chức; quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm lãnh đạo các tổ chức, đơn vị thuộc hội.

## 3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Thường trực:

a) Ban Thường trực hoạt động theo Quy chế do Ban chấp hành ban hành, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ hội;

b) Ban Thường trực 02 tháng họp 01 lần, có thể họp bất thường khi có yêu cầu của Chủ tịch hội hoặc trên 1/2 tổng số ủy viên Ban Thường trực;

c) Các cuộc họp của Ban Thường trực là họp lệ khi có 1/2 ủy viên Ban Thường trực tham gia dự họp. Ban Thường trực có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Việc quy định hình thức biểu quyết do Ban Thường trực quyết định;

d) Các nghị quyết, quyết định của Ban Thường trực được thông qua khi có trên 1/2 tổng số ủy viên Ban Thường trực dự họp biểu quyết tán thành. Trong trường hợp số ý kiến tán thành và không tán thành ngang nhau thì quyết định thuộc về bên có ý kiến của Chủ tịch hội.

## **Điều 15. Ban Kiểm tra**

1. Ban Kiểm tra hội gồm Trưởng ban và một số ủy viên do Đại hội bầu ra. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn ủy viên Ban Kiểm tra do Đại hội quyết định. Nhiệm kỳ của Ban Kiểm tra cùng với nhiệm kỳ Đại hội. Ban Kiểm tra họp 6 tháng 1 lần, họp bất thường khi cần.

## 2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm tra:

a) Kiểm tra, giám sát việc thực hiện Điều lệ hội, nghị quyết Đại hội; nghị quyết, quyết định của Ban chấp hành, Ban Thường trực, các quy chế của hội trong hoạt động của các tổ chức, đơn vị trực thuộc hội, hội viên;

b) Kiểm tra công tác quản lý tài chính, tài sản của hội và các tổ chức trực thuộc hội (nếu có).

c) Xem xét, giải quyết đơn, thư kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của tổ chức, hội viên và công dân gửi đến hội. Không xem xét, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo nặc danh, mạo danh. Trường hợp kiểm tra một Ủy viên ban chấp hành phải có ý kiến của Ban Thường trực.

### 3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Kiểm tra:

Ban Kiểm tra hoạt động theo quy chế do Ban Chấp hành ban hành, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ hội.

### **Điều 16. Chủ tịch, Phó chủ tịch**

1. Chủ tịch hội là đại diện pháp nhân của hội trước pháp luật, chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi hoạt động của hội. Chủ tịch hội do Ban chấp hành bầu trong số các ủy viên của Ban Thường trực. Tiêu chuẩn Chủ tịch hội do Ban chấp hành hội quy định.

#### 2. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch:

a) Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo Quy chế hoạt động của Ban chấp hành, Ban Thường trực;

b) Chịu trách nhiệm toàn diện trước cơ quan có thẩm quyền cho phép thành lập hội, cơ quan quản lý nhà nước về lĩnh vực hoạt động chính của hội, trước Ban chấp hành, Ban Thường trực về mọi hoạt động của hội. Chỉ đạo, điều hành mọi hoạt động của hội theo quy định Điều lệ hội; nghị quyết Đại hội; nghị quyết, quyết định của Ban chấp hành, Ban Thường trực;

c) Chủ trì các phiên họp của Ban chấp hành; chỉ đạo chuẩn bị, triệu tập và chủ trì các cuộc họp của Ban Thường trực;

d) Thay mặt Ban chấp hành, Ban Thường trực ký các văn bản của hội;

đ) Khi Chủ tịch hội vắng mặt, việc chỉ đạo, điều hành giải quyết công việc của hội được ủy quyền bằng văn bản cho một Phó Chủ tịch hội.

3. Phó Chủ tịch hội do Ban Chấp hành bầu trong số các ủy viên Ban thường trực hội. Tiêu chuẩn Phó Chủ tịch hội do Ban chấp hành hội quy định.

Phó Chủ tịch giúp Chủ tịch chỉ đạo, điều hành công tác của hội theo sự phân công của Chủ tịch hội; chịu trách nhiệm trước Chủ tịch và trước pháp luật về lĩnh vực công việc được Chủ tịch hội phân công hoặc ủy quyền. Phó Chủ tịch hội thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo Quy chế hoạt động của Ban chấp hành, Ban Thường trực hội phù hợp với Điều lệ hội và quy định của pháp luật.

### **Điều 17. Tổ chức trực thuộc và chi hội**

1. Các tổ chức trực thuộc hội được thành lập theo quy định của pháp luật. Ban Thường trực quy định cụ thể về thành lập, tổ chức, hoạt động và quản lý các tổ chức trực thuộc hội phù hợp với Điều lệ hội và quy định của pháp luật.

2. Các chi hội trực thuộc: Ở những xã có nhiều hội viên, thường trực hội xem xét quyết định công nhận Chi hội trực thuộc hội.

## **Chương V**

### **CHIA, TÁCH; SÁP NHẬP; HỢP NHẤT; ĐỔI TÊN VÀ GIẢI THỂ**

#### **Điều 18. Chia, tách; sáp nhập; hợp nhất và đổi tên và giải thể**

Việc chia, tách; sáp nhập; hợp nhất; đổi tên và giải thể hội thực hiện theo quy định của pháp luật và các quy định có liên quan.



## **Chương VI**

### **TÀI CHÍNH VÀ TÀI SẢN CỦA HỘI**

#### **Điều 19. Tài chính và tài sản**

##### 1. Nguồn thu gồm:

- a) Nguồn ngân sách nhà nước cấp (nếu có);
- b) Hội phí và các nguồn thu hợp pháp khác theo quy định của pháp luật;
- c) Tiền và hiện vật ủng hộ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật.

##### 2. Các khoản chi gồm:

- a) Chi hoạt động thực hiện nhiệm vụ của hội;
- b) Chi thực hiện chế độ, chính sách đối với những người làm việc tại hội theo quy định của Ban chấp hành hội và phù hợp với quy định của pháp luật;
- c) Trợ cấp cho hội viên khi gặp nhiều khó khăn;
- d) Chi khen thưởng và các khoản chi khác theo quy định của Ban chấp hành.

2. Tài sản của hội: Tài sản của hội bao gồm trụ sở, trang thiết bị, phương tiện phục vụ hoạt động của hội. Tài sản của hội được hình thành từ nguồn kinh phí của hội; do các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước hiến, tặng theo quy định của pháp luật; được Nhà nước hỗ trợ (nếu có).

#### **Điều 20. Quản lý, sử dụng tài chính và tài sản**

1. Tài chính, tài sản của hội chỉ được sử dụng cho các hoạt động của hội do Ban Thường Trực, Ban chấp hành quản lý và xử lý khi chia tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể hoặc đổi tên hội theo qui định của nhà nước và của hội.

2. Ban Chấp hành hội ban hành Quy chế quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của hội đảm bảo nguyên tắc công khai, minh bạch, tiết kiệm phù hợp với quy định của pháp luật và tôn chỉ, mục đích hoạt động của hội.

## **Chương VII**

### **KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT**

#### **Điều 21. Khen thưởng**

1. Tổ chức, đơn vị thuộc hội, hội viên có thành tích xuất sắc được hội khen thưởng hoặc được hội đề nghị cơ quan, tổ chức có thẩm quyền khen thưởng theo quy định của pháp luật.

2. Ban Chấp hành hội quy định cụ thể hình thức, thẩm quyền, thủ tục khen thưởng trong nội bộ hội theo quy định của pháp luật và Điều lệ hội.

#### **Điều 22. Kỷ luật**

1. Ban chấp hành, Ban Thường Trực, các chi hội và cá nhân vi phạm đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước, thực hiện không đúng Điều lệ và các quy chế, quy định, làm tổn hại đến danh dự của hội, đến tư

cách cán bộ, hội viên, thì tùy theo tính chất, mức độ sai phạm mà thi hành các hình thức kỷ luật.

a) Với cá nhân: Khiển trách, cảnh cáo, bãi nhiệm, xóa tên hội viên.

b) Với tập thể ban chấp hành, Ban Thường trực, tổ chức trực thuộc: Khiển trách, cảnh cáo, giải thể.

2. Trường hợp nội bộ Ban chấp hành, Ban Thường trực để mất đoàn kết kéo dài, gây trì trệ cho hoạt động hội hoặc có sai phạm nghiêm trọng thì Ban Thường trực phối hợp với các cơ quan có thẩm quyền nhà nước triệu tập Đại hội bất thường để kiện toàn tổ chức.

3. Ban chấp hành thông qua Quy chế kỷ luật của hội phù hợp với Điều lệ hội và quy định của pháp luật.

## **Chương VIII** **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

### **Điều 23. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ**

Chỉ có Đại hội Hội Người mù huyện Đức Trọng mới có quyền sửa đổi, bổ sung Điều lệ này. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ hội phải được trên 1/2 số đại biểu chính thức có mặt tại Đại hội thông qua và được Chủ tịch UBND tỉnh Lâm Đồng phê duyệt mới có hiệu lực thi hành.

### **Điều 24. Hiệu lực thi hành**

1. Điều lệ này gồm 8 Chương, 24 Điều đã được Đại hội đại biểu Hội Người mù huyện Đức Trọng thông qua ngày 01 tháng 3 năm 2017 và có hiệu lực thi hành theo Quyết định phê duyệt của Chủ tịch UBND tỉnh Lâm Đồng.

2. Căn cứ quy định pháp luật về hội và Điều lệ hội, Ban chấp hành Hội Người mù huyện Đức Trọng có trách nhiệm hướng dẫn và tổ chức thực hiện Điều lệ này./.

---